Sở Thông tin và Truyền thông
sotttt@ninhthuan.gov.vn
Tỉnh Ninh Thuận
14-01-2022 09:54:42 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/NQ-HĐND	*Ninh Thuận, ngày 11 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ *Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022;

Thực hiện Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Xét Tờ trình số 291/TTr-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 với các nội dung như sau

1. Kế hoạch huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội kế hoạch năm 2022

- Tổng vốn huy động: tổng vốn đầu tư toàn xã hội kế hoạch năm 2022 huy động khoảng 30.500 tỷ đồng, gồm nguồn vốn ngân sách Nhà nước 3.885 tỷ đồng chiếm 12,7%; vốn FDI, vốn các thành phần kinh tế và dân cư 26.615 tỷ đồng, chiếm 87,3%.

- Nguồn vốn:

+ Nguồn vốn ngân sách địa phương: 870,080 tỷ đồng, trong đó: chi xây dựng cơ bản tập trung 309,98 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 269,8 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết 70 tỷ đồng, bội chi ngân sách địa phương 220,3 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.615 tỷ đồng, trong đó: vốn trong nước 905 tỷ đồng; vốn nước ngoài 710 tỷ đồng;

+ Vốn các Bộ ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn: 1.235 tỷ đồng, trong đó: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông: 500 tỷ đồng; Bộ Giao thông vận tải: 700 tỷ đồng; các Bộ ngành khác: 35 tỷ đồng;

+ Vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp Nhà nước 80 tỷ đồng;

+ Vốn FDI, các thành phần kinh tế khác và dân cư: 26.615 tỷ đồng, gồm: Vốn FDI và vốn các thành phần kinh tế khác 22.915 tỷ đồng và vốn dân cư 3.700 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 1,2 đính kèm.)*

2. Nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý kế hoạch giao đầu năm 2022

- Vốn ngân sách Trung ương trong nước: 905 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 3 đính kèm).*

- Vốn nước ngoài: 710 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 4 đính kèm)*.

- Vốn ngân sách địa phương: tổng vốn 870,080 tỷ đồng, trong đó: chi xây dựng cơ bản tập trung 309,98 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 269,8 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết 70 tỷ đồng, bội chi ngân sách địa phương 220,3 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 5 đính kèm).*

3. Dự kiến danh mục công trình trọng điểm nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2022: có 4 công trình, trong đó 2 công trình đẩy nhanh tiến độ và 2 công trình khởi công mới, gồm:

- Công trình đẩy nhanh tiến độ 2 công trình: Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Hồ chứa nước Sông Than.

- Công trình khởi công mới 2 công trình: Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu *(Chi tiết theo phụ lục số 6 đính kèm)*.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

- Đối với kế hoạch vốn ngân sách địa phương chưa phân bổ chi tiết cho từng danh mục dự án, gồm: chuẩn bị đầu tư; bù hụt thu năm 2021, thanh toán công trình hoàn thành khi có quyết toán và các nhiệm vụ khác, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo thường trực hđnd tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ thực hiện.

- Đối với vốn các nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung trong năm khi cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất trước khi triển khai thực hiện.

- Đối với các nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung trong năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai chi tiết, triển khai thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả phân bổ cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện giám sát theo quy định pháp luật.

- Đối với nguồn thu từ tiền thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương kế hoạch năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ từng dự án tương ứng với từng loại nguồn vốn cụ thể để có cơ sở thực hiện giải ngân theo quy định của Bộ Tài chính; báo cáo kết quả phân bổ cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện giám sát theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cho Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2022.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu

Biểu số 1

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Kế hoạch năm 2022	So sánh		Ghi chú
		KH năm 2021	Ước TH năm 2021		UTH 2021/ KH 2021	KH 2022/ UTH 2021	
1	2	3	4	5	6=4/3	7=5/4	8
	TỔNG SỐ	**26.500**	**29.920**	**30.500**	**112,9%**	**101,9%**	
A	**VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**3.230**	**2.570**	**3.885**	**79,6%**	**151,2%**	
I	**VỐN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**	**2.195**	**2.100**	**2.650**	**95,7%**	**126,2%**	
a	**VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**1.000**	**770**	**850**	**77,0%**	**110,4%**	
1	Vốn đầu tư trong cân đối NSĐP	750	700	770	93,3%	110,0%	
2	Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN						
3	Vốn doanh nghiệp Nhà nước	250	70	80	28,0%	114,3%	
b	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**1.195**	**1.330**	**1.800**	**111,3%**	**135,3%**	
1	Vốn Chương trình mục tiêu	1.006	1.330,0	1.615	132,2%	121,4%	
	+ Vốn trong nước	*533*	*880,0*	*905*	165,1%	102,8%	
	+ Vốn ngoài nước	*473*	*450,0*	*710*	95,1%	157,8%	
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia	189		185	0,0%		
II	**VỐN CÁC BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**	**1.035**	**470**	**1.235**	**45,4%**	**262,8%**	
1	Bộ Nông nghiệp và PTNT	400	400	500	100,0%	125,0%	
2	Bộ Giao thông vận tải	600	50	700	8,3%	1400,0%	
3	Bộ, ngành khác	35	20	35	57,1%	175,0%	
B	**VỐN CÁC THÀNH PHẦN KT VÀ VỐN KHÁC**	**23.270**	**27.350**	**26.615**	**117,5%**	**97,3%**	
1	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các thành phần kinh tế khác	20.870	23.750	22.915	113,8%	96,5%	
	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	2.500	3.800	915	152,0%	24,1%	
	Vốn các thành phần KT	18.370	19.950	22.000	108,6%	110,3%	
2	Vốn Dân cư	2.400	3.600	3.700	150,0%	102,8%	

Biểu số 2

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN GIAO ĐẦU NĂM
KẾ HOẠCH NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH đầu năm 2022	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**2.485.080**	
1	**Vốn ngân sách địa phương**	**870.080**	
	- Chi XDCB vốn tập trung trong nước	309.980	
	- Thu tiền SD đất	269.800	
	- Xổ số kiến thiết	70.000	
	- Bội chi ngân sách địa phương	220.300	
2	**Vốn Ngân sách Trung ương**	**1.615.000**	
a	Vốn trong nước	905.000	
b	Vốn nước ngoài	710.000	

Biểu số 3

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH NĂM 2022 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 117/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT	Tổng vốn đã bố trí đến cuối năm 2020	Dự kiến Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Tổng số					**4.724.110**	**533.060**	**905.000**	-
I	***Hoàn trả vốn ứng trước***					***223.410***	***50.000***	***147.738***	Theo đúng mức vốn TW thông báo
II	***Thành toán công trình hoàn thành***							***154.050***	Đủ nhu cầu vốn còn lại
1	Đập hạ lưu Sông Dinh	Chi cục Thủy lợi	2171 02/10/15	691.498	544.390	147.000	20.000	100.000	
2	Kè chống sạt lỡ Nhơn Hải đến Thanh Hải	UBND huyện Ninh Hải	866/QĐ-UBND 11/6/2020	105.000	52.500	52.000	32.000	20.000	
3	Kè chống sạt lỡ khu vực cảng Cà Ná	UBND huyện Thuận Nam	1246 30/7/2020	50.000	25.000	25.000	10.000	15.000	
4	Đê cửa Sông Phú Thọ	Chi cục Thủy lợi	865 11/6/2020	70.000	35.000	35.000	18.000	17.000	
5	Dự án bố trí dân cư vùng sạt lỡ ven biển Cà ná, huyện Thuận Nam	Chi cục Phát triển nông thôn	263 09/02/2021	36.404	32.704	3.700		800	
6	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)	BQL dự án JICA2 tỉnh Ninh Thuận (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)		22.156	14.956	3.400	915	1.250	
III	***Chuyển tiếp***					***724.267***	***418.664***	***229.915***	
1	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	1803/QĐ-UBND 30/10/2018	80.000	17.000	50.000	30.000	20.000	Hoàn thành 2022 bố trí 85% TMĐT
2	Đường đôi vào 2 đầu thành phố (đoạn phía Nam)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	179/QĐ-UBND 13/02/2020	503.874	261.000	242.740	86.000	81.000	Hoàn thành 2022 bố trí 85% TMĐT
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và CN	70/QĐ-UBND 13/01/2021	109.879	9.905	56.000	26.085	29.915	Hoàn thành 2023 bố trí 60% TMĐT
4	Đường Văn Lâm - Sơn Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	61/NQ-HĐND 10/12/2020	372.515		370.000	50.000	99.000	Hoàn thành 2024 bố trí khoảng 40% TMĐT

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT	Tổng vốn đã bố trí đến cuối năm 2020	Dự kiến Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
IV	***Đối ứng ODA***					***31.700***	***15.036***	***16.664***	
1	Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL DADT XDCCT Nông nghiệp và PTNT	561/QĐ-TTg 28/5/2018 1154/QĐ-UBND 10/7/2018 812/QĐ-UBND 02/6/2020	150.643	8.000	22.000	5.336	16.664	100% KH trung hạn còn lại
V	***Khởi công mới***			***3.554.362***	**-**	***3.127.000***	**-**	***356.633***	
	Nông nghiệp			***1.522.749***	**-**	***1.502.000***		***66.633***	
1	Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	32/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	517.446		510.000		50.000	Bố trí KH năm 2022 để thực hiện đền bù
2	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	41/NQ-HĐND 17/5/2021	394.140		390.000		6.000	Chuẩn bị đầu tư
3	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2016-2020	BQL Vườn Quốc gia Núi chúa	37/NQ-HĐND 17/5/2021	132.979		130.000		10.633	VQG Núi chúa được công nhận là Khu Dự trữ sinh quyển thế giới, do đó việc sớm đầu tư bảo tồn là cần thiết. Năm 2022 bố trí vốn để thực hiện hạng mục bảo tồn đa dạng sinh học rừng và biển.
	Giao thông			**1.982.386**	**-**	**1.580.000**	**-**	**280.000**	
4	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	62/NQ-HĐND 10/12/2020	1.494.746		1.100.000		230.000	Theo đúng mức vốn TW thông báo
5	Đường vành đai phía Bắc (đoạn từ đèo Khánh Nhơn đi Quốc lộ 1A)	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	60/NQ-HĐND 10/12/2020	487.640		480.000		50.000	Dự kiến KH năm 2022 thực hiện đền bù
	ANQP			**49.227**	**-**	**45.000**	**-**	**10.000**	
6	Rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh giai đoạn 2 (2021 - 2025)	BCH Quân sự tỉnh	79/NQ-HĐND 10/12/2020	49.227		45.000		10.000	Bố trí 20% TMĐT

Biểu số 4

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Nghị quyết số 117/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu						Lũy kế vốn đã bố trí đến 2020				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	KH năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		TMĐT													
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												
			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)										
			Tổng số	Trong đó: NSTW	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó						
					Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW	Vay lại		Vốn đối ứng	Vốn cấp phát	Vốn vay lại				
	Tổng số	**3.756.901**	**558.566**	**397.561**	**3.198.374**	**2.450.237**	**748.137**	**469.371**	**167.056**	**238.313**	**64.002**	**2.110.224**	**473.486**	**710.000**	
I	**Thanh toán công trình hoàn thành**	**813.265**	**104.695**	**9.700**	**708.609**	**670.700**	**37.909**	**255.185**	**45.958**	**192.859**	**16.368**	**406.224**	**354.786**	**51.438**	Bố trí đủ vốn còn lại
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Ninh Thuận -WB8	77.955	13.827		64.168	54.543	9.625	46.398	6.500	33.913	5.985	20.500	16.716	3.784	
2	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	230.846	20.286		210.560	189.504	21.056	114.256	7.840	97.070	9.346	88.000	82.000	6.000	
3	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - Tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận	412.635	51.034		361.600	361.600		83.765	31.218	52.547		242.000	213.386	28.614	
4	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần Ninh Thuận	91.829	19.548	9.700	72.281	65.053	7.228	10.766	400	9.329	1.037	55.724	42.684	13.040	
II	**Hoàn thành sau năm 2022**	**2.800.480**	**433.055**	**387.861**	**2.367.425**	**1.657.197**	**710.228**	**214.186**	**121.098**	**45.454**	**47.634**	**1.597.000**	**118.700**	**642.562**	
1	Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	1.962.367	282.411	282.411	1.679.956	1.175.969	503.987	208.988	115.900	45.454	47.634	1.117.000	100.000	507.000	bố trí 50% TMĐT phần cấp phát
2	Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	838.113	150.644	105.450	687.469	481.228	206.241	5.198	5.198	-	-	480.000	18.700	135.562	Bố trí khoảng 25% TMĐT phần cấp phát do bắt đầu triển khai năm 2022
III	**Khởi công mới**	**143.156**	**20.816**	**0**	**122.340**	**122.340**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**107.000**	**0**	**16.000**	
1	Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Ninh Thuận	143.156	20.816		122.340	122.340						107.000		16.000	Theo nhu cầu

Biểu số 5

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 117/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSĐP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSĐP					
	Cân đối NSĐP					**-**	**4.143.200**	**750.880**	**870.080**	
	- Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước						1.747.300	309.980	309.980	
	- Thu tiền sử dụng đất						1.843.000	250.000	269.800	Cấp tỉnh 103,5 tỷ bằng năm 2021 Cấp huyện 166,3 tỷ theo số liệu Sở TC làm việc thống nhất với các huyện
	- Thu XSKT						432.000	70.000	70.000	
	- Bộ chi NSĐP						120.900	120.900	220.300	
I	**THANH TOÁN CT HOÀN THÀNH**					**61.295**	**20.399**	**8.190**	**15.980**	- Quyết toán bố trí đủ 100% giá trị; - HT chưa QT: bố trí 90% TMĐT
1	Làng thanh niên lập nghiệp xã Phước Đại	Tỉnh Đoàn	356-QĐ/TWĐTN 21/10/13	15.872	15.872	10.334	5.600	3.100	850	
2	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1184 20/7/2020	11.296	11.296	5.396	5.900	3.135	1.600	
3	Trường Liên cấp THCS, THPT huyện Bác Ái (hạng mục khối hành chính quản trị, nhà bếp + nhà ăn học sinh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	1845 31/10/2018	3.711	3.711	1.200	2.511	1.955	167	
4	Đường đi bộ ven biển khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1053 28/6/2019	55.971	55.971	44.365	6.388		6.000	
5	Đường Ma Nới - Tà Nôi	UBND huyện Ninh Sơn	2585 27/10/2017 802 21/5/2019	19.418	19.418	10.312	9.100	6.200	1.000	
6	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	UBND huyện Bác Ái	1201a 11/8/2020	187.138	42.000	148.800	30.000	14.405	5.263	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSĐP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSĐP					
7	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm công tác xã hội (cơ sở 2: Nuôi dưỡng người tâm thần)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	266/QĐ-UBND 09/02/2021	8.339	8.339		7.500	6.400	1.100	
II	**PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, TP**					**769.000**	**1.881.600**	**239.500**	**328.100**	
1	*Phân cấp*					*541.000*	*1.225.000*	*239.500*	*259.300*	
	- Vốn Trung ương cân đối						525.000	93.000	93.000	30% vốn TW cân đối
	Thành phố PRTC							12.458	12.458	tỷ lệ 13,4%
	Huyện Ninh Sơn							14.279	14.279	tỷ lệ 15,35%
	Huyện Ninh Phước							13.829	13.829	tỷ lệ 14,87%
	Huyện Thuận Nam							13.477	13.477	tỷ lệ 14,49%
	Huyện Ninh Hải							12.592	12.592	tỷ lệ 13,54%
	Huyện Thuận Bắc							12.844	12.844	tỷ lệ 13,81%
	Huyện Bác Ái							13.521	13.521	tỷ lệ 14,54%
	- Thu tiền sử dụng đất						700.000	146.500	166.300	
	Thành phố PRTC							50.000	55.000	
	Huyện Ninh Sơn							20.000	20.000	
	Huyện Ninh Phước							32.000	32.000	
	Huyện Thuận Nam							10.000	14.500	
	Huyện Ninh Hải							30.000	40.000	
	Huyện Thuận Bắc							4.000	4.300	
	Huyện Bác ái							500	500	
2	*Hỗ trợ các huyện, xã nông thôn mới*					*228.000*	*39.600*		*14.800*	KH năm 2022 dự kiến hỗ trợ 1 huyện NTM, 2 xã NTM nâng cao và 3 xã NTM
2.2	Hỗ trợ xã đạt NTM						18.000		10.000	02 tỷ đồng/xã (KH năm 2022 đạt 5 xã)
2.3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao						21.600		4.800	2,4 tỷ đồng/xã
3	*Hỗ trợ thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông*						*490.000*		*49.000*	*10% KH trung hạn, Bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu kết dư của tỉnh Số vốn phân bổ: Theo tỷ trọng vốn KH trung hạn 21-25 bố trí cho các huyện thành phố*
	Thành phố PRTC						136.000		13.600	
	Huyện Ninh Sơn						42.000		4.200	
	Huyện Ninh Phước						109.000		10.900	
	Huyện Thuận Nam						48.000		4.800	
	Huyện Ninh Hải						100.000		10.000	
	Huyện Thuận Bắc						30.000		3.000	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSĐP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSĐP					
	Huyện Bác Ái						25.000		2.500	
4	*Hỗ trợ Hợp tác xã*						*20.000*		*5.000*	*- KH trung hạn 2021-2025 là 20 tỷ đồng, năm 2021 chưa bố trí, còn lại thực hiện năm 2022-2025, bình quân mỗi năm 5 tỷ - Số vốn phân bổ: Theo tỷ trọng vốn KH trung hạn 21-25 bố trí cho các huyện thành phố*
	Thành phố PRTC						1.480		370	
	Huyện Ninh Sơn						3.705		926	
	Huyện Ninh Phước						4.445		1.111	
	Huyện Thuận Nam						3.705		926	
	Huyện Ninh Hải						3.705		926	
	Huyện Thuận Bắc						1.480		370	
	Huyện Bác ái						1.480		370	
III	**LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**			**60490**	**60.490**	**40.490**	**20.000**	**8.800**	**11.200**	
IV	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**					**60.000**	**60.000**	**15.000**	**15.000**	Bằng KH 2021
V	**HỖ TRỢ QPAN**					**174.000**	**209.000**	**51.000**	**51.000**	Bằng KH 2021
	BCH Quân sự tỉnh					104.000	90.000	23.000	23.000	Trong đó dự án thao trường huấn luyện Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 7.372 triệu đồng
	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh					30.000	55.000	15.000	15.000	
	Công an tỉnh					40.000	64.000	13.000	13.000	
VI	**HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN**					**5.000**	**25.000**	**5.000**	**5.000**	Bằng KH 2021
VII	**ĐỐI ỨNG ODA**					***160.141***	***327.700***	***69.564***	***82.300***	
	Thanh toán công trình hoàn thành					***27.860***	***35.700***	***19.766***	***34.300***	Bố trí 90% TMĐT phần đối ứng
1	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, Hợp phần tỉnh Ninh Thuận - Ngân hàng thế giới (WB)	Sở Y tế	491/QĐ-UBND 01/4/2019	91.829	19.548	400	9.000		7.500	
2	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	83/QĐ-UBND 18/01/2019	77.955	13.827	7.060	6.700		3.800	Đủ nhu cầu vốn còn lại

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSĐP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSĐP					
3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	564/QĐ-UBND 31/3/2017	412.635	51.034	20.400	20.000	19.766	22.000	Hiện đang trình điều chỉnh TMĐT, trong đó bổ sung đối ứng 22.632 triệu đồng để đền bù, Giao KH vốn sau khi dự án được điều chỉnh và bổ sung KH trung hạn
4	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2493/QĐ-UBND 17/10/2016	230.846	20.286	7.750	12.536	9.468	1.000	
	Hoàn thành sau năm 2022					**132.281**	**192.000**	**49.798**	**44.000**	Bố trí 70% TMĐT phần NSĐP
5	Hệ thống Hồ chứa nước Kiền Kiền	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	291.488	109.768	13.506	95.560	42.534	20.000	
6	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2989a/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 1532/QĐ-UBND 24/9/2019	1.962.367	282.411	115.900	79.440		22.000	KH năm 2021 bố trí vốn NSTW 60.960 triệu đồng
7	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1770/QĐ-UBND 29/10/2018 1534 04/9/2020	189.098	19.968	2.875	17.000	7.264	2.000	
	Khởi công mới				**1.980.933**		**100.000**		**4.000**	Bố trí 20% TMĐT
8	Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ trong bối cảnh thiếu an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ "		738/QĐ-TTg ngày 20/5/2021	20.816	20.816		20.000		4.000	
VIII	**ĐỐI ỨNG CT MTQG**						**120.000**		**27.000**	10% tổng vốn đăng ký KH 2022
IX	**BÙ HỤT THU NĂM 2021, THANH TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH KHI CÓ QUYẾT TOÁN VÀ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC**						**235.100**		**35.800**	
X	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**						**332.899**	**69.700**	**78.400**	
a	***Chuyển tiếp***			***97.214***	***97.214***	***123.881***	***186.899***	***69.700***	***42.900***	
	Hoàn thành năm 2022					***123.881***	***97.899***	***49.200***	***14.900***	bố trí 85% TMĐT

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Quyết định	TMĐT (theo các nguồn vốn)		Tổng vốn (NSĐP) đã bố trí đến cuối năm 2020	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSĐP					
1	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1844 31/10/2018	197.280	177.280	123.881	73.399	40.000	3.800	
2	Trường Tiểu học Phước Bình C	Chi cục Thủy lợi	527/QĐ-UBND 26/3/2021	8.959	5.959		8.000	4.200	1.700	
3	Khu tái định cư thôn Quán Thẻ 2, xã Phước Minh	UBND huyện Thuận Nam	14/NQ-HĐND 19/3/2021 1830/QĐ-UBND/ 20/9/2021	16.599	16.599		16.500	5.000	9.400	
	Hoàn thành năm 2023			**97.214**	**97.214**	**-**	**89.000**	**20.500**	**28.000**	Bố trí 50% TMĐT
4	Dự án Xây mới trường THPT Nguyễn Trãi, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng	03/NQ-HĐND 19/3/2021 737/QĐ-UBND 28/4/2021	97.214	97.214		89.000	20.500	28.000	
b	***Khởi công mới***			***165.054***	***165.054***	***-***	***146.000***	***-***	***35.500***	
1	Cột thu lôi chống sét - 20 cột	Chi cục Thủy lợi	42/NQ-HĐND 17/5/2021	71.600	71.600		63.000		10.000	
2	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá lăn xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	UBND huyện Thuận Bắc	36/NQ-HĐND 17/5/2021	93.454	93.454		83.000		13.500	
3	Đường giao thông nối cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 1 và Cảng tổng hợp Cà Ná	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	84/NQ-HĐND 31/8/2021	487.000	98.000		98.000		12.000	Chuẩn bị dự án, phần đền bù sẽ cân đối khi hoàn tất các thủ tục và có nguồn thu tiền đất
XI	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**							**120.900**	**220.300**	
1	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB3)	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước					11.000	11.000	667	Theo đăng ký rút vốn tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
2	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT					3.000	3.000	547	Theo đăng ký rút vốn tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
3	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận	Sở Y tế					4.000	4.743	1.525	Theo đăng ký rút vốn tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT					20.404	19.661	26.348	Bằng 52% số vốn đăng ký tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2021
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước					82.496	82.496	191.213	Bằng 52% số vốn đăng ký tại CV số 4900/UBND-KTTH ngày 15/9/2022

Biểu số 6

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Công trình đẩy nhanh tiến độ		
1	Hồ chứa nước Sông Than	BQL dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
2	Dự án Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	
	Công trình khởi công mới		
3	Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu	BQL dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
4	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	BQL dự án đầu tư XD các công trình Giao thông	